

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **46/2021/DSST**

Ngày 24 tháng 6 năm 2021

*V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Phạm Thị Kim Dung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TL - DSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐST - DS ngày 20 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST - HPT ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín**. Trụ sở: phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Xuân H – chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức theo Quyết định số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020. Ông Đỗ Xuân H ủy quyền lại cho ông Trần Quang H theo Giấy ủy quyền số 23/2021/UQ-CNTĐ ngày 18/3/2021. Ông H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **H.T.T.N**, sinh năm 1991. Địa chỉ nơi ở hiện tại: phường Điện Biên, quận B, thành phố H. Bà N vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quang H trình bày:***

Ngày 11/05/2017, Bà H.T.T.N và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 80.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch trong suốt quá trình vay đến khi vi phạm hợp đồng với tổng số tiền là 1.151.206.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.075.350.000 đồng. Qua Nều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc thẻ là 3.75%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tạm tính đến ngày 08/6/2021, bà N còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 91.195.922 đồng; Lãi trong hạn: 52.285.662 đồng; Lãi quá hạn: 26.143.138 đồng. Tổng cộng: 169.624.722 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, Nều lần làm việc trực tiếp với bà N, yêu cầu bà N có trách Nệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N trả nợ, tuy Nền bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

1. Buộc bà H.T.T.N trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2021 như sau: Nợ gốc: 91.195.922 đồng; Lãi trong hạn: 53.331.375 đồng; Lãi quá hạn: 26.666.001 đồng. Tổng cộng: 171.193.298 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/05/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín.

2. Bà H.T.T.N có trách Nệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất tại hợp đồng.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ

lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Tuy Nên, bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được. Vì vậy, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về Nệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Bà H.T.T.N có hộ khẩu thường trú tại số 23 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận B, thành phố H. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các Nệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương

mai cổ phần Sài Gòn Thương Tín; Buộc bà H.T.T.N phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/6/2021 tổng số tiền như sau: nợ gốc 91.195.922 đồng; Lãi trong hạn: 53.331.375 đồng; Lãi quá hạn: 26.666.001 đồng. Tổng cộng: 171.193.298 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 24/6/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/05/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H.T.T.N chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà H.T.T.N vắng mặt lần thứ hai liên tiếp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt Bà H.T.T.N.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/05/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín của bà H.T.T.N, mục đích mở thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H.T.T.N đăng ký nhân khẩu thường trú tại 23 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận B, thành phố H. Do bà H.T.T.N không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khi đến hạn trả nợ. Do vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã khởi kiện bà N đến Tòa án nhân dân quận B, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận B thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Ngày 11/05/2017, bà H.T.T.N và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngày 01/4/2019 bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sang nợ quá hạn từ ngày 01/4/2019. Ngày 15/11/2020 Tòa án nhân dân quận B đã nhận được đơn khởi kiện của ngân hàng đối với bà N. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng

thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Ngày 11/05/2017, bà H.T.T.N và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng); Mục đích vay: Mở thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân; Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/05/2017 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/4/2019 nên theo Điều 23 của điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quy định về chuyển nợ quá hạn: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu chủ thẻ có Nền hơn một tài khoản với đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của chủ thẻ tại đơn vị phát hành thẻ”*. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc bà N phải thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/6/2021 là: nợ gốc 91.195.922 đồng; Lãi trong hạn: 53.331.375 đồng; Lãi quá hạn: 26.666.001 đồng. Tổng cộng: 171.193.298 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua đối chiếu nhận thấy cách tính lãi, phí chậm thanh toán của các bên theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/5/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn bà H.T.T.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi

nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 373; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, yêu cầu bà H.T.T.N thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/5/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Xác nhận bà H.T.T.N còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/5/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền như sau: Nợ gốc 91.195.922 (*Chín mươi một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi hai*) đồng; Lãi trong hạn: 53.331.375 (*Năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi lăm*) đồng; Lãi quá hạn: 26.666.001 (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm linh một*) đồng. Tổng cộng: 171.193.298 (*Một trăm bảy mươi một triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi tám*) đồng tạm tính đến ngày 24/6/2021.

2. Buộc Bà H.T.T.N thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền như sau: Nợ gốc 91.195.922 (*Chín mươi một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi hai*) đồng; Lãi trong hạn: 53.331.375 (*Năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi lăm*) đồng; Lãi quá hạn: 26.666.001 (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm linh một*) đồng. Tổng cộng: 171.193.298 (*Một trăm bảy mươi một triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi tám*) đồng tạm tính đến ngày 24/6/2021.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này

giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H.T.T.N phải chịu **8.559.664** (*Tám triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi tư*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **2.800.000** (*Hai triệu, tám trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001008 ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Bà H.T.T.N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/5/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Trường hợp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn Bà H.T.T.N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung